

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 3 năm 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Diệu**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tăng Thị Bạch Vân

Ông Hứa Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Hồng Trang, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Lâm Bích Ngọc-Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thụ lý số 248/2024/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 27/02/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trương Minh N, địa chỉ: ấp A, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

Bị đơn: Chị Nguyễn Kim Q, địa chỉ: ấp A, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 14/8/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trương Minh N trình bày: Giữa nguyên đơn với bị đơn là chị Nguyễn Kim Q kết hôn từ năm 2012, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang cấp ngày 14/6/2012. Vợ chồng có 01 người con chung là Trương Minh Gia B sinh ngày 02/8/2013, cháu B hiện đang sống chung với anh N. Quá trình chung sống do không cùng quan điểm, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi nhau, không còn tiếng nói chung, cuộc sống chung không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn được. Nay anh N yêu

cầu ly hôn chị Q; về con chung anh N yêu cầu trực tiếp nuôi, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Kim Q, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho chị Q nhưng chị không có ý kiến trả lời, cũng không đến Tòa án để cung cấp lời khai và tham gia các phiên họp khi được triệu tập.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Tại phiên tòa, anh N là nguyên đơn và chị Q là bị đơn đều vắng mặt, nhưng anh N đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị Q đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngọc và chị Q xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong thời gian chung sống gần đây, anh N nhận thấy vợ chồng không cùng chung quan điểm, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc và khó có thể hàn gắn, nên anh N yêu cầu ly hôn chị Q. Riêng về phía chị Q, Tòa án đã triệu tập tham dự các phiên họp, hòa giải để tạo điều kiện thuận lợi cho vợ chồng có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ, nhưng chị Q đều vắng mặt; Tòa án đã xác minh ở chính quyền địa phương để tìm hiểu nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng nhưng địa phương không nắm được.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, nay anh N kiên quyết yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn tiếng nói chung; chính từ đó đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N.

[4] Về con chung: Anh N1 và chị Q có 01 người con chung chưa thành niên đang sống với anh N1 và anh N1 có yêu cầu trực tiếp nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng, xét thấy cháu Trương Minh Gia B hiện đang sống với anh N1 và có cuộc sống ổn định, cháu B cũng cho biết nguyện vọng của mình muốn sống với cha khi cha mẹ ly hôn, nên yêu cầu của anh N1 là hợp lý cần được chấp nhận, do đó Hội đồng xét xử cần giao cháu B cho anh N1 để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp. Chị Q không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Về vấn đề cấp dưỡng, trên cơ sở tự nguyện của anh N1 không yêu cầu cấp dưỡng, Hội đồng xét xử ghi nhận và không buộc chị Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ: Anh N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Q không có yêu cầu phản tố, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án ly hôn và được giải quyết như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trương Minh N được ly hôn chị Nguyễn Kim Q.

- *Về con chung:* Giao cháu Trương Minh Gia B sinh ngày 02/8/2013 cho anh Trương Minh N để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi; chị Nguyễn Kim Q không phải cấp dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Q, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Anh Trương Minh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007386, ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của

Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách-ST;
- Chi cục THA dân sự huyện Kế Sách-ST;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- UBND xã Phước Hưng, An Phú, An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Diệu